

## **NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TRIẾT LÝ F. NIETZSCHE**

*Hà Lê Dũng*

*Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế*

**Tóm tắt.** F. Nietzsche, nhà triết học Đức, người đã gây chấn động bằng tuyên bố "Chúa đã chết". Triết lý của Nietzsche về con người, về tôn giáo và về chủ đích mà con người phải vươn tới đã thể hiện sức ảnh hưởng lớn và trở thành những tiền đề quan trọng của chủ nghĩa hiện sinh. Là một nội dung trong chương trình giảng dạy của ngành triết học trong các trường đại học ở Việt Nam, nên việc nghiên cứu về triết lý của Nietzsche góp phần đáp ứng những đòi hỏi của công tác lý luận trong thời kỳ công nghiệp hóa và hiện đại hóa nhằm khắc phục những vấn đề về con người, nhất là hiện tượng tha hóa của con người trong xã hội phương Tây đương đại.

Vào cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, trước những biến đổi mạnh mẽ của đời sống xã hội và khoa học đã kích đẩy sự phát triển mạnh mẽ các tư tưởng triết học. Chưa bao giờ vấn đề thân phận con người, đặc biệt là các trạng thái tồn tại của con người lại trở thành vấn đề nóng bỏng trong triết học như thời điểm này. Kế thừa tư tưởng về con người trong lịch sử triết học, chất lọc trong điều kiện hoàn cảnh mới, không ít triết gia tạo ra những điểm nhấn trái chiều với quan điểm truyền thống trong xem xét và đánh giá về con người như F. Nietzsche, S. Freud... Chính vì thế nhiều học giả ở phương Tây sau này cho rằng đã xuất hiện bước rẽ trong sự phát triển của triết học.

Những tư tưởng của F. Nietzsche đã tạo ra một hướng nhìn mới khi ông muốn thực hiện một cuộc cách mạng tinh thần chưa từng có: nhằm đổi lại bảng giá trị luận lý và xã hội, những gì mà người vẫn tôn trọng từ trước đến nay sẽ bị lên án. Cho nên, không gì ngạc nhiên khi các nhà tư tưởng phương Tây đã gọi ông là triết gia "đảo hoán tất cả các giá trị". Với ông, Chúa không thể trú ngụ trong cái vương quốc được tạo nên bởi niềm tin, đạo đức của trần thế khi bị ảnh hưởng của thần học Kytô chỉ đào tạo ra những con người mang đầy tật xấu, như ông vạch rõ: "Nếu có thần, thì tôi tại sao có thể cam chịu đựng không phải là thần?". "Chúa đã chết", những quan niệm về đạo đức cũ phải được gỡ bỏ, thay vào đó là "đạo đức của người kiên cường mới, loại đạo đức chống lại sự nhu nhược truyền thống của giáo lý Kytô". Với quan niệm của Kinh Thánh, con người bao gồm linh hồn và thể xác, thể xác là tạm bợ, linh hồn mới là vĩnh cửu vì linh hồn do Chúa ban cho, thì với F. Nietzsche thể xác mới là cái cao quý, con người sống bằng thể xác, tư duy trên chính thể xác của mình, sự tương tác giữa người với người đều

thông qua thể xác. Do đó, những ai khinh chê thân xác thì kẻ đó đang xem thường chính bản thân mình.

F. Nietzsche cho rằng, tất cả hành động của con người (thiện hay ác) đều ẩn chứa đằng sau đó tính vị kỷ, mang động cơ cá nhân, là sự thỏa mãn một ước muốn. Những hành động mang tính vị tha thì gốc rễ của nó vẫn là những động cơ cá nhân. Với ông, hành động xuất phát từ con người thì bao giờ cũng là hành động đúng vì ở đó luôn luôn là sự thỏa mãn ước muốn của chính chủ thể, việc đánh giá hành động đó là thiện hay ác chỉ là tấm áo choàng che phủ nguyên nhân ở bên trong. Theo đánh giá của F. Nietzsche, các hành động xấu không bắt nguồn từ tà ý, cũng như các hành động tốt được hình thành từ ước muốn bảo toàn sự sống và khoái lạc, ông viết: “mọi hành động xấu đều được thúc đẩy bởi bản năng tự bảo tồn, hay đúng hơn bởi ước muốn khoái lạc và tránh đau khổ về phía cá nhân”<sup>1</sup>.

Không đơn thuần như vậy, theo F. Nietzsche động lực chủ yếu thúc đẩy con người là ý chí sống (bản năng đòi được sống), với ý chí sống con người không còn lựa chọn nào khác ngoài việc phải bảo toàn sự sống, tránh đau khổ và tìm kiếm lạc thú. Vì thế, con người không nhất thiết phải chịu trách nhiệm về những hành vi của mình, “chúng ta không phàn nàn thiên nhiên là vô đạo đức vì nó gửi đến bão táp và lũ lụt, tại sao chúng ta lại gọi những kẻ làm hại chúng ta là vô đạo đức? Bởi vì trong trường hợp thứ hai này chúng ta giả thiết rằng có một ý chí tự do đang hành động một cách vô tình. Trong trường hợp thứ nhất chúng ta thấy có sự tất yếu. Nhưng phân biệt như thế là sai lầm. Vì thế chúng ta không gọi một sự thiệt hại dù cố ý là luôn luôn vô đạo đức, ví dụ: chúng ta thường không do dự và cố ý giết chết một con ruồi, chỉ vì tiếng vo ve của nó làm phiền chúng ta, chúng ta cố tình trừng trị một kẻ tội phạm và gây thương vong cho họ, để bảo vệ chúng ta và xã hội. Trong trường hợp thứ nhất, cá nhân để bảo vệ mạng sống của mình, thậm chí bào vệ mình khỏi lo lắng, gây thương vong một cách cố tình; trong trường hợp thứ hai là Nhà nước. Mọi nguyên tắc đạo đức đều cho phép gây thiệt hại cố ý trong những trường hợp cần thiết - nghĩa là liên quan đến sự bảo tồn. Nhưng hai quan điểm đủ để cắt nghĩa mọi hành vi xấu do con người chống lại con người. Chúng ta ước muốn đạt được khoái lạc hay tránh đau khổ, trong bất kỳ trường hợp nào, luôn luôn là vấn đề tự bảo tồn. Xôcrat và Platon có lý: Bất cứ con người làm gì, họ đều làm đúng - nghĩa là họ làm điều họ thấy tốt theo mức độ trí khôn của họ, là thước đo hợp lý của họ”<sup>2</sup>.

Những luận điểm của F. Nietzsche khi nói về bản chất hành động của con người hay ý sống đã nhận không ít sự chỉ trích của giới học giả lúc bấy giờ khi cho rằng ông đang cổ xúy cho những bản năng thú tính, rơi vào chủ nghĩa vô chính phủ, chối bỏ

---

<sup>1</sup> Lê Thành Trị, *Hiện tượng luận hiện sinh*, Trung tâm học liệu xuất bản, 1974, tr. 543.

<sup>2</sup> Lê Thành Trị, *Hiện tượng luận hiện sinh*, Trung tâm học liệu xuất bản, 1974, tr. 326.

những trách nhiệm của mình. Một loạt các vấn đề được đặt ra, nếu tất cả mọi người trong xã hội không một ai chịu trách nhiệm về hành vi của mình thì xã hội sẽ như thế nào? Cuộc sống con người đâu chỉ phải ở chỗ thoả mãn những nhu cầu của cá nhân. Không thể xem xét và giải quyết cuộc sống con người nếu đặt ra ngoài các quan hệ xã hội vốn có của nó. Vì vậy, F. Nietzsche muốn tôn vinh con người như thế nào đi nữa thì ông cũng không nên đẩy sự tôn vinh đó sang lập trường của chủ nghĩa cá nhân cực đoan.

Con người là vấn đề trung tâm của mọi triết học, với F. Nietzsche cũng không phải ngoại lệ. Khác với những vị tiền bối, ông không đi vào phân tích, mổ xẻ cơ chế tồn tại - sự vận động trong các mối quan hệ vốn có mà F. Nietzsche xuất phát từ thực tiễn của Châu Âu thế kỷ XIX để đi đến phủ định con người đang hiện hữu trên cơ sở xây dựng một mẫu người mới thể hiện khát khao vươn lên của con người. Ông gọi đó là mẫu người *siêu nhân* và đó cũng là cái đích mà triết học cần hướng tới: "triết học chân chính nên trở thành triết học siêu nhiên"<sup>3</sup>.

Những lý giải của F. Nietzsche về *siêu nhân* chưa bao giờ cụ thể, chỉ có thể hiểu được về *siêu nhân* thông qua sự so sánh với người hạng hai (ông còn gọi là người mặt hạng) để thấy được những thuộc tính nổi bật của mẫu người này, cụ thể:

- Siêu nhân là người không chấp nhận có tôn giáo.
- Cuộc sống của siêu nhân là ở trên mặt đất.
- Hiện hữu là quá trình sáng tạo ra giá trị, hiện sinh trong giác ngộ và giác ngộ để quy hồi vĩnh cửu.
- Chấp nhận hư vô, tìm ý thức trong hư vô và biết vượt qua hư vô (nghĩa một mình đơn độc không cần ai hiểu, ai biết).

Siêu nhân là khái niệm có nhiều nội dung và có thể có nhiều cách giải thích khác nhau, nhưng về cơ bản siêu nhân chính là hình mẫu đã được lý tưởng hóa, nhân cách hóa sức sống và bản năng của con người. Chính sự lý tưởng hóa nhân cách của quan niệm giá trị so với giá trị con người của triết học phi lý tính và truyền thống Kytô giáo. Sự đời của *siêu nhân* nhằm xóa nhòa hình ảnh của Chúa, nhưng tuyệt nhiên *siêu nhân* không thể chỗ cho vị thế của Chúa mà về bản chất là chấm dứt sự hiện diện của tôn giáo, cho nên không việc gì F. Nietzsche phải tạo ra một Thượng đế mới, *siêu nhân* thay thế Thượng đế phải được nhìn nhận theo nghĩa để trở thành siêu nhân là rất khó như trở thành Thượng đế.

Không phải ai cũng có thể trở thành *siêu nhân*, bởi *siêu nhân* là người lý tưởng, đoạn tuyệt với quá khứ và không hướng về tương lai. Là một kẻ lữ hành cô độc để tự tìm kiếm và định đoạt các giá trị. Hành trình của *siêu nhân* là hành trình của sáng tạo và sáng

---

<sup>3</sup> Lưu Phong Đồng, *Triết học phương Tây hiện đại*, Nxb. CTQG, Hà Nội, tập 1, 1999, tr. 167.

tạo là phương thuốc màu nhiệm để xoa dịu những nỗi đau của tâm hồn. Là nguồn cảm hứng của sáng tạo vì vậy đau khổ là cần thiết, càng nhiều đau khổ thì sự sáng tạo càng có ý nghĩa. Chính vì thế, hình ảnh *siêu nhân* thể hiện sự ngạo nghễ, oai phong không bị quy ước bởi bất kỳ ấn định nào có sẵn. *Siêu nhân* và Thượng đế khác biệt ở chỗ, Thượng đế là chúa tể tối cao, ban phát tất cả thì siêu nhân tự mình làm nên tất cả. Siêu nhân với sự tự do của mình làm nên tất cả, không nhận ân huệ hay sự ban phát của ai.

Quan niệm về *siêu nhân* là một trong những nội dung gây nhiều ý kiến tranh cãi khác nhau. Tuy vậy, vẫn có điểm chung, *siêu nhân* là con người lý tưởng của F. Nietzsche, là người phát ngôn của F. Nietzsche. Ra đời trong bối cảnh kinh tế - xã hội của phương Tây thế kỷ XIX, nếu như chủ nghĩa tư bản làm được những điều mà nó nói thì sự xuất hiện của *siêu nhân* sẽ không còn ý nghĩa. Chính vì vậy, *siêu nhân* là tiếng nói tố cáo chủ nghĩa tư bản chà đạp nhân phẩm, làm tha hóa con người từ trong lòng xã hội tư bản. Ở điểm này, *siêu nhân* được xem là sự nổi loạn bộc phát của con người trong hành trình tìm kiếm những giá trị đã bị "cướp đoạt". Tuy chưa phải là cách giải quyết khoa học về vấn đề con người, nhưng điểm đáng lưu ý là việc F. Nietzsche đã nhìn thấy thực trạng con người như thế nào chứ không phải cách giải quyết thực trạng đó của chính ông. Một triết gia cô độc trong cuộc sống - *siêu nhân* là minh chứng rõ nét cho hiện trạng đó. *Siêu nhân* chỉ có thể là con người ảo trong xã hội phương Tây. Con người chỉ thực sự phát triển toàn diện trong một xã hội không có giai cấp, một xã hội mà hạnh phúc, tự do "của mỗi con người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người"<sup>4</sup>.

Dù chủ nghĩa hiện sinh đã từng chiếm được vị trí thống trị, đã từng được đón chào nồng nhiệt ở giới trẻ phương Tây, đã trở thành học thuyết "mốt" nhất vào những thập niên sau Đại chiến thứ II. Nhưng không phải vì thế mà chủ nghĩa hiện sinh không bộc lộ những nhược điểm của nó.

Triết học Mác - Lênin với bản chất khoa học thật sự đã chỉ ra rằng, lịch sử vận động và phát triển không chỉ tuân theo những quy luật nội tại của nó mà còn bị quy định bằng chính các nền tảng của sự vận động, đó là đời sống kinh tế - xã hội và mối quan hệ giữa con người với con người trong hoạt động thực tiễn của mình. Chính vì thế, mọi sự đánh giá phải tuân theo nguyên tắc của phép biện chứng để không sa vào các quan điểm phiến diện, siêu hình, bóp méo tư tưởng lịch sử.

F. Nietzsche đã đả phá rất gay gắt tôn giáo, tôn giáo là những kẻ bệnh tật kinh chế thân xác, những kẻ không hưởng được giá trị đích thực của cuộc sống ở đời này. Như vậy, với những tư tưởng yếm thế đó thà họ đừng sống để chờ chết vì như vậy là sống thừa. Sự tồn tại của tôn giáo là bước ngoặt chấm dứt thời kỳ của người hùng. Nên F. Nietzsche đã tuyên bố "Chúa đã chết, con người từ nay có quyền lựa chọn cuộc sống

---

<sup>4</sup> Mác - Ăngghen toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 23, 1980, tr. 509.

của mình”.

Khác với những luận điểm đó, chủ nghĩa Mác - Lênin coi tôn giáo là một loại hình thái ý thức xã hội phản ánh lệch lạc, hoang đường, hư ảo hiện thực khách quan. Qua hình thức phản ánh của tôn giáo những hiện tượng tự nhiên trở thành siêu nhiên. Điều này đã được Ăngghen khẳng định: "Tất cả mọi tôn giáo chẳng qua chỉ là sự phản ánh hư ảo vào trong đầu óc con người của những lực lượng bên ngoài chi phối cuộc sống hàng ngày của họ, chỉ là sự phản ánh trong đó những lực lượng ở trần thế đã mang hình thức những lực lượng siêu trần thế"<sup>5</sup>. Mác - Ăngghen cũng chỉ ra rằng tôn giáo là một hiện tượng xã hội, văn hóa lịch sử, một lực lượng xã hội trần thế phản ánh những bế tắc bất lực của con người trước tự nhiên xã hội.

Các nhà Mácxit trên cơ sở phê phán tôn giáo đồng thời cũng chỉ ra trong tôn giáo cũng chứa đựng trong nó những nhân tố hợp lý. Mác khẳng định: "sự nghèo nàn của tôn giáo vừa là biểu hiện của sự nghèo nàn hiện thực vừa là sự phản kháng chống lại sự nghèo nàn hiện thực ấy. Tôn giáo là tiếng thở dài của chúng sinh bị áp bức, là thế giới của trái tim không có trái tim cũng như nó là tinh thần của những trật tự không có tinh thần. Tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân". Đây là điểm hạn chế rất lớn của chủ nghĩa hiện sinh khi đã phủ nhận hoàn toàn những điểm hợp lý của tôn giáo, phủ định sạch trơn mà không xem xét tôn giáo trong điều kiện tự nhiên và xã hội.

Triết học phương Tây hiện đại nói chung và chủ nghĩa hiện sinh nói riêng đặc biệt quan tâm đến vấn đề con người. Con người mà theo cách mô tả của họ là trong xã hội con người luôn ở trong trạng thái cô độc, lo âu, bế tắc, thậm chí không chốn nương thân. Ở các nhà hiện sinh, khi phê phán xã hội không quan tâm đến con người, họ chỉ ra rằng trước những luật định, những nguyên tắc của chủ nghĩa duy lý đã làm cho con người ngày càng "rời xa" hay đánh mất "bản chất người" của mình. Con người cảm thấy xa lạ với tất cả và hình như mình không còn là mình nữa. Về điểm này, F. Nietzsche đã đặt nền móng cho các quan niệm của các trào lưu triết học hiện đại của phương Tây. Với chủ nghĩa hiện sinh, máy móc kỹ thuật đã biến con người thành những cái máy vô hồn, đánh mất chiều sâu tâm linh, cuộc sống càng hiện đại thì con người càng cô đơn. Với chủ nghĩa nhân vị, xã hội phương Tây là một trại lính vì vậy con người không tìm thấy cái tôi của mình. Với tuyên bố triết học hiện sinh là triết học về con người nhất là sự tồn tại của con người cá nhân. Về sau này một số nhà hiện sinh và các đại biểu trường phái Frankfurt đã xuất phát từ đó để đi toan tính "bổ sung" cho triết học Mác, bởi vì theo họ chủ nghĩa Mác "quên đi con người cá nhân".

Để vạch ra thực chất của toan tính đó, xin được xuất phát từ quan điểm của chủ nghĩa Mác khi lý giải về con người cá nhân và xã hội. Trong tác phẩm "Hệ tư tưởng Đức" Mác và Ăngghen đã nhấn mạnh: "những tiền đề xuất phát của chúng tôi không

---

<sup>5</sup> Mác - Ăngghen toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 20, 1995, tr. 437.

phải là những tiền đề tùy tiện, không phải là giáo điều; đó là những tiền đề hiện thực, là những cá nhân hiện thực, là hoạt động của họ và những điều kiện sinh hoạt vật chất của họ..”. Chủ nghĩa hiện sinh đem đối lập cá nhân với xã hội, với tha nhân. Những luận điểm như: tha nhân là hỏa ngục đối với tôi, tha nhân nhìn tôi như muốn nuốt chửng tôi... Ngược lại Mác và Ăngghen không nói đến những cá nhân tách khỏi xã hội, và cũng không đối lập cá nhân với xã hội, mà luôn luôn trình bày cá nhân trong quan hệ xã hội nhất định... Mác và Ăngghen viết “Những cá nhân nhất định, hoạt động sản xuất theo một phương thức nhất định đều nằm trong những quan hệ xã hội và chính trị nhất định... Cơ cấu xã hội và Nhà nước luôn nảy sinh từ quá trình sinh sống của những cá nhân nhất định, không phải của những cá nhân ấy tự hình dung, hay đúng như người khác có thể hình dung, mà của những cá nhân đúng như trong hiện thực”.

Vậy có thể thấy, trong khi phân tích con người cá nhân, Mác không nhằm khuếch trương chủ quan tính cá nhân để rồi từ đó “chỉ trích tha nhân” như triết học hiện sinh, ngược lại đặt con người cá nhân trong những điều kiện lịch sử cụ thể, từ đó đi tới cải tạo xã hội, phục vụ cho chính lợi ích con người. Bản thân sự cải tạo xã hội mang một ý nghĩa cách mạng làm cho sự phát triển của cá nhân trở nên hoàn thiện hơn. Trong “Tuyên ngôn Đảng Cộng sản” Mác và Ăngghen đã hình dung xã hội tương lai “là một liên hợp, trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”.

Quan điểm của Mác chỉ rõ rằng: “Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hoà các mối quan hệ xã hội”, nên con người chỉ có thể trưởng thành, thể hiện bản tính loài đặc thù của mình trong xã hội. Về phần mình mỗi con người có trách nhiệm đóng góp vào sự phát triển xã hội. Hình thức đối lập cực đoan giữa cá nhân và xã hội của các nhà hiện sinh thực chất là thể hiện sự bất mãn bằng hành động, “quấy đập” để rồi một khi mục đích không đạt được sẽ rơi vào trạng thái hụt hẫng chán chường. Đó là những điều mà các nhà triết học trước đó lẫn các triết gia hiện sinh chưa thể làm được.

Từ sự phủ nhận tồn tại của Chúa, F. Nietzsche đi đến khẳng định sự tự do của con người, sự tự do ấy theo tinh thần chủ quan của mình. Con người có quyền lựa chọn bất cứ cái gì và hoạt động theo những gì mình lựa chọn, đó chính là tự do. Chủ nghĩa hiện sinh đã gắn liền tự do với chủ nghĩa duy tâm chủ quan, đưa tự do đến tuyệt đối, khiến mỗi cá nhân như sáng tạo ra vận mệnh của mình tự do định đoạt số phận của mình mà không hề bị lệ thuộc bởi bất kỳ những quy định xã hội nào.

Ngược lại, theo quan điểm triết học Mác “tự do không phải là ở chỗ độc lập trong tư tưởng đối với quy luật tự nhiên, mà ở chỗ nhận thức được quy luật đó, và ở khả năng căn cứ vào nhận thức đó mà bắt quy luật tự nhiên phải tác động một cách có kế hoạch cho những mục đích nhất định. Điều đó đúng với quy luật của thế giới bên ngoài, cũng như đúng với những quy luật chi phối đời sống về thể xác, tinh thần của bản thân con người hai loại quy luật đó, nhiều lắm chúng ta cũng chỉ tách rời ra trong quan niệm của chúng ta thôi, chứ hoàn toàn không thể tách rời trong thực tế. Vì vậy tự do ý chí

không phải cái gì khác hơn là năng lực quyết định trên cơ sở biết rõ sự việc”. Tự do là nhận thức và hoạt động theo quy luật của tự nhiên và xã hội "tự do là ở chỗ dựa trên nhận thức về tính tất yếu của giới tự nhiên mới làm chủ bản thân chúng ta và làm chủ giới tự nhiên"<sup>6</sup>. Như vậy, theo quan điểm của Mácxit không có tự do nào nằm ngoài quy luật, tự do chính là nhận thức và hoạt động theo quy luật tất yếu xã hội thì con người mới trở thành "người chủ" thực sự của giới tự nhiên.

Không tuyên bố triết học của mình là “Triết học về con người”, nhưng triết học Mác - Lênin lại quan tâm con người nhiều hơn cả và đi sâu giải quyết vấn đề con người một cách triệt để nhất. Các ông không chỉ chỉ ra nguyên nhân mà còn vạch ra con đường thích hợp để giải thoát con người. Con người trong triết học Mác là con người lịch sử cụ thể, con người bằng hoạt động thực tiễn của mình làm ra lịch sử, cải tạo hoàn cảnh con người đó trong bản chất và tồn tại của nó với tính cách là một cá thể tộc loài hoặc cá nhân thuộc một tập đoàn, một giai cấp, một xã hội nhất định. Và chỉ có thể giải quyết được các vấn đề của con người khi gắn những vấn đề ấy với cuộc cách mạng xã hội rộng lớn và triệt để nhất của lịch sử loài người là cuộc cách mạng vô sản.

Đó là điều mà bản thân F. Nietzsche nói riêng và các nhà hiện sinh nói chung chưa thể làm được. Nhưng bất luận như thế nào đi nữa, chủ nghĩa hiện sinh cũng đã được xem như là một trào lưu triết học mới thời hiện đại ở phương Tây. Trong quá trình hình thành và phát triển, triết học này đã cổ xúy cho một lối sống mới mà người ta vẫn thường gọi là lối sống hiện sinh. Lối sống này đã tác động rất lớn đến mọi tầng lớp trong xã hội phương Tây, đặc biệt là tầng lớp trẻ và tạo nên một cơn sốt hiện sinh. Sự xuất hiện của chủ nghĩa hiện sinh đã làm đảo lộn mọi giá trị về mặt tinh thần, đạo đức xã hội, nó buộc người ta phải suy nghĩ một cách nghiêm túc và đa diện về thân phận con người tồn tại trong thế giới. Thân phận con người, cái tương chừng như hết sức bình thường mà lâu nay con người vẫn hay nghĩ về nó nhưng đã được chủ nghĩa hiện sinh cày xới theo một hướng mới, đưa vào nó một suy tư mới về một trong những đề tài đã gây tổn nhiều giấy mực nhất.

Trong bối cảnh hiện nay, việc chúng ta mở rộng quan hệ với các nước phương Tây nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế cũng như giao lưu văn hóa thì việc nghiên cứu những tư tưởng triết học phương Tây, đặc biệt là triết học hiện sinh là việc làm cần thiết. Vì lẽ, nghiên cứu triết học hiện sinh cũng là nghiên cứu một tư tưởng, nghiên cứu một văn hóa, nghiên cứu một tích cách con người phương Tây. Thiết nghĩ điều này sẽ giúp chúng ta có thêm sự hiểu biết cần thiết, bỏ bớt sự khiếm khuyết của mình về con người, xã hội phương Tây.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

---

<sup>6</sup> *Lênin (toàn tập)*, Nxb. Tiến bộ, Maxcova, tập 18, 1980, tr. 226.

1. Lê Thành Trị, *Hiện tượng luận hiện sinh*, Trung tâm học liệu xuất bản, 1974.
2. Lưu Phóng Đồng, *Triết học phương Tây hiện đại*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 1, 1999.
3. *Mác - Ăngghen toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 23, 1980.
4. *Mác - Ăngghen toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 20, 1995.
5. *Lênin (toàn tập)*, Nxb. Tiến bộ, Maxcova, tập 18, 1980.

## **SOME ASPECTS OF FRIEDRICH NIETZSCHE'S LIFE AND PHILOSOPHIES**

*Ha Le Dung*

*College of Sciences, Hue University*

**Abstract.** Friedrich Nietzsche was the German philosopher whose key idea “Death of God” really caused a lot of controversy. Nietzsche's philosophies in man, religion and the goal of human life have been of great influence and have become the important premises of existentialism. As an important subject in teaching programmes of philosophy in Vietnam universities, the studying of Nietzsche's philosophies would satisfy the requirements of reasoning work in the period of industrialization and modernization in order to overcome issues of man, especially the phenomenon of human alienation in contemporary Western societies.